

Bản án số: 48/2023/KDTM – ST

Ngày: 31/8/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hoa

Bà Lê Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 62/2022/TLST – KTST ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2023/QĐXXST – KDTM, ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 328/2023/QĐST-KDTM, ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B1.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà đường N, Phường E, Quận C, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1998 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền số 400/2022/UQ-TTQL&THN ngày 29/8/2022 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ Phần X

Địa chỉ: Số A1 đường số A, Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang B – Giám đốc (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Quang B, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B Đường H, Khu phố F, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B Đường H, Khu phố F, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê Quang Q, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A3 đường I, tổ A4, khu phố K, Phường R, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Lê Thị Cẩm T1, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A3 đường I, tổ A4, khu phố K, Phường R, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Khôi N trình bày:

Ngày 09/07/2019, Ngân hàng TMCP B1 và Công ty Cổ Phần X đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0691900029600, chi tiết như sau:

Số tiền vay: 5.000.000.0000 đồng (Năm tỷ đồng)

Thời hạn hiệu lực của hợp đồng: Đến hết ngày 09/07/2020

- Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh và bù đắp phần vốn khách hàng đã thanh toán để phục vụ kinh doanh;

- Lãi suất cho vay: Theo quy định của BVB2;

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay nêu trên, Ông Lê Quang B và Bà Nguyễn Thị Thanh T đã ký với Y BANK Hợp đồng thế chấp số 0691900029700 ngày 09/07/2019, để thế chấp bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 337857, số vào sổ cấp GCN: CS10055 do Sở T3 cấp ngày 24/11/2017, cụ thể:

- Thừa đất:

Thừa đất số: 531 Tờ bản đồ số: 46

Địa chỉ: Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Diện tích: 114,2 m²

Hình thức sử dụng: sử dụng riêng;

Thời hạn sử dụng: Đất ở: Lâu dài - Đất trồng cây hàng năm khác: Đến ngày 18/05/2021;

Nhà ở:

Loại nhà ở: Nhà ở riêng lẻ

Diện tích xây dựng: 76 m² Diện tích sàn: 202,5 m²

Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng

Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình vay vốn do Công ty X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Y BANK và Y BANK đã nhiều lần liên hệ làm việc yêu cầu Công ty X thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng Công ty X vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo các hợp đồng đã ký kết.

Nay Ngân hàng TMCP B1 yêu cầu Công ty Cổ Phần X phải trả cho Ngân hàng TMCP B1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/08/2023 là: 7.941.386.992 đồng (Bảy tỷ chín trăm bốn mươi một triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi hai đồng) ngay làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

-Gốc: 5.000.000.000 đồng

-Lãi trong hạn: 264.087.372 đồng

-Phạt chậm trả lãi: 89.737.976 đồng

-Lãi quá hạn: 2.587.561.644 đồng

Công ty Cổ Phần X phải chịu toàn bộ tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 01/9/2023 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0691900029600 ngày 09/07/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty Cổ Phần X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP B1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 531, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: phường R, quận X, Tp .HCM theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số: CK 337857, sổ vào sổ cấp GCN: CS10055 do Sở T3 cấp ngày 24/11/2017 thuộc sở hữu /sử dụng của Ông Lê Quang B và bà Nguyễn Thị Thanh T2 (Cập nhật theo bản đồ hiện trạng vị trí-áp ranh do T Đo Đạc B - Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố T3 lập ngày 30/5/2023) để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 0691900029700 ngày 09/07/2019 được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP X tại Ngân hàng TMCP B1. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty CP X có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP B1.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty Cổ Phần X do ông Lê Quang B làm người đại diện theo pháp luật đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người liên quan bà T, ông Q, bà T2 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến Tòa làm bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 khởi kiện Công ty Cổ Phần X có địa chỉ trụ sở tại: số A đường số A, Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu Công ty Cổ Phần X phải trả tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh còn thiếu cho Ngân hàng, đây là vụ án: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ

lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng hạn mức số 0691900029600 ngày 09/7/2019, và 02 Giấy nhận nợ (gồm: Giấy nhận nợ số 0691900029600003 ngày 20/12/2019; và Giấy nhận nợ số 0691900029600004 ngày 20/12/2019); Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba ngày 09/7/2019 được ký giữa Ngân hàng TMCP B1 và Công ty Cổ Phần X cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức, điều khoản cấp tín dụng và các Giấy nhận nợ thể hiện Công ty Cổ Phần X có vay của Ngân hàng TMCP B1 số tiền 5.000.000.000 đồng. Bị đơn nhận đủ số tiền vay nhưng không thanh toán hết số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Như vậy, theo nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng cộng nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả tính đến ngày 31/8/2023 là 7.941.386.992 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 5.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 264.087.372 đồng, phạt chậm trả lãi 89.737.976 đồng, nợ lãi quá hạn 2.587.561.644 đồng). Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu toàn bộ tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 01/9/2023 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0691900029600 ngày 09/07/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng N1, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”; theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”; theo điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng: “Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực

hiện theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0691900029600 ngày 09/7/2019 và 02 Giấy nhận nợ (gồm: Giấy nhận nợ số 0691900029600003 ngày 20/12/2019; Giấy nhận nợ số 0691900029600004 ngày 20/12/2019) mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo thỏa thuận giữa các bên đương sự về biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ vay, bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 531, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: phường A, quận A, Tp . theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số: CK 337857, số vào sổ cấp GCN: CS10055 do Sở T3 cấp ngày 24/11/2017 thuộc sở hữu /sử dụng của Ông Lê Quang B và bà Nguyễn Thị Thanh T2 (Cập nhật theo bản đồ hiện trạng vị trí-áp ranh do T Đo Đạc B - Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố T3 lập ngày 30/5/2023)

Tài sản thế chấp nêu trên được thế chấp cho Ngân hàng TMCP B1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0691900029700 ngày 09/07/2019 tại Phòng C, thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 011859, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đ ngày 09/7/2019, số đăng ký 004711.TC.006. Hội đồng xét xử xét thấy tài sản thế chấp này là hợp pháp. Do Công ty Cổ Phần X vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng tín dụng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng TMCP B1 khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ và xử lý tài sản bảo đảm nếu không trả hết nợ là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP B1.

Trường hợp, toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 0691900029700 ngày 09/07/2019 được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP X tại Ngân hàng TMCP B1. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty CP X có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP B1 là có cơ sở nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Công ty Cổ Phần X do ông Lê Quang B làm người đại diện theo pháp luật để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu các khoản nợ và tài sản thế chấp, nhưng Công ty Cổ Phần X do ông Lê Quang B làm người đại diện theo pháp luật đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn cũng không nộp cho Tòa án chứng cứ, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các khoản nợ và xử lý tài sản bảo đảm nên xem như bị đơn đã từ bỏ quyền của mình, mặc nhiên thừa nhận còn nợ các khoản vay như nguyên đơn yêu cầu.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1, buộc bị đơn Công ty Cổ Phần X do ông Lê Quang B làm người đại diện theo pháp luật phải trả cho Ngân hàng TMCP B1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 31/8/2023 là 7.941.386.992 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 5.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 264.087.372 đồng, phạt chậm trả lãi

89.737.976 đồng, nợ lãi quá hạn 2.587.561.644 đồng); Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu toàn bộ tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 01/9/2023 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0691900029600 ngày 09/07/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ và 02 Giấy nhận nợ (gồm: Giấy nhận nợ số 0691900029600003 ngày 20/12/2019; Giấy nhận nợ số 0691900029600004 ngày 20/12/2019). Đến hạn thanh toán, nếu Công ty Cổ Phần X không thanh toán hết số nợ trên thì Ngân hàng TMCP B1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 531, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: phường A, quận A, Tp . thuộc quyền sở hữu của Ông Lê Quang B và bà Nguyễn Thị Thanh T2 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP B1. Trường hợp, toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 0691900029700 ngày 09/07/2019 được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP X tại Ngân hàng TMCP B1. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty CP X có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP B1

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng TMCP B1 được chấp nhận nên Công ty Cổ Phần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.941.387 đồng đối với khoản nợ mà Công ty Cổ Phần X phải trả là 7.941.386.992 đồng.

H lại tiền tạm ứng án phí 57.541.032 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi một nghìn không trăm ba mươi hai đồng) cho Ngân hàng TMCP B1 theo biên lai thu số AA/2021/0049355 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP B1 tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về chi phí đo vẽ: Công ty Cổ Phần X có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B1 số tiền 8.620.637 đồng (Tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 178, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ khoản 1 Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N2;

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1.

Buộc Công ty Cổ Phần X phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP B1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 31/8/2023 là 7.941.386.992 đồng (Bảy tỷ chín trăm bốn mươi một triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi hai đồng), trong đó:

Tiền nợ gốc: 5.000.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 264.087.372 đồng

Phạt chậm trả lãi: 89.737.976 đồng

Nợ lãi quá hạn: 2.587.561.644 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn phải tiếp tục chịu toàn bộ khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán trên, nếu Công ty Cổ Phần X chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP B1 thì Ngân hàng TMCP B1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 531, tờ bản đồ số 46, Địa chỉ: phường A, quận A, Tp . thuộc quyền sở hữu của Ông Lê Quang B và bà Nguyễn Thị Thanh T2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số: CK 337857, số vào sổ cấp GCN: CS10055 do Sở T3 cấp ngày 24/11/2017; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đ ngày 09/7/2019, số đăng ký 004711.TC.006 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP B1.

Trường hợp, toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 0691900029700 ngày 09/07/2019 được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP X tại Ngân hàng TMCP B1. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty CP X có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP B1.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty CP X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 115.941.387 đồng (Một trăm mười lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng) đối với khoản nợ mà Công ty CP X phải trả là 7.941.386.992 đồng (Bảy tỷ chín trăm bốn mươi một triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCP B1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 57.541.032 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi một nghìn không trăm ba mươi hai đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0049355 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP B1 tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về chi phí đo vẽ: Công ty Cổ Phần X có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B1 số tiền 8.620.637 đồng (Tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Trang